

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày 08-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây.

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Nở, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú: Ông Trần Văn T, Thẩm phán, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải: Ông Nguyễn Xuân T1, Thư ký, Công tác tại Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử công khai theo hình thức trực tiếp, kết hợp trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST-HS, ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh ngày 01/01/1985, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Trì Thị Ú, sinh năm 1958; vợ: Ngô Thị T2, sinh năm 1985 (đã ly hôn); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh

Trà Vinh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 36/2013/HS-ST, ngày 18/7/2013; tiền sự: 01 tiền sự, bị Công an thị trấn T xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 18/9/2023; nhân thân: ngày 17/12/2007 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 39/2007/HS-ST; bị khởi tố và áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 07/11/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Bà Kim Ngọc P, sinh ngày 01/01/1983. Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Võ Minh T3, sinh ngày 19/8/1984. Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Kim Thị T4, sinh ngày 22/8/1992. Nơi trường trú: ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi ở hiện nay: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Nhan Thành Đ1, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Trầm Phong X, sinh ngày 09/9/1983. Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Đỗ Hoài G, sinh ngày 19/4/1989. Nơi trường trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi ở hiện nay: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Thạch Thị K, sinh ngày 01/01/1959. Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Sơn P1, sinh ngày 17/02/2001. Nơi trường trú: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi ở hiện nay: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức T5, sinh ngày 19/4/1984. Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Trương Bửu C, sinh ngày 18/10/1979. Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn M là: Ông Phạm Thanh P2 là trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cáo trạng số: 12/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi bị cáo bị truy tố như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 27/10/2023, bị cáo Trần Văn M đi bộ từ nhà ở Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đến nhà của ông Đỗ Hoài G ở cùng địa chỉ trên. Khi đến trước nhà của ông Đặng Hoàng D (cùng địa chỉ). Lúc này, bị cáo nhìn thấy 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại Wave, biển số: 84K2 - 8012 của bà Kim Ngọc P, sinh ngày: 01/01/1983 nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đang dựng tại đây không có ai trông coi. Sau đó, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, để bán tiêu xài cá nhân nên đi đến vị trí chiếc xe đang dựng bị cáo dùng tay bứt dây khóa xe, lên xe đạp máy nhưng xe không nổ máy nên bị cáo dắt chiếc xe về nhà của bị cáo. Tại nhà, bị cáo đã dùng 01 cây tua vít tháo rời 02 bửng xe ra, rồi dùng 01 chìa khóa xe khác và 01 cây kim rồi đục chìa khóa vào ổ khóa rồi dùng cây kim vặn thì đã mở được khóa xe. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến nhà của Nguyễn Đức T5, sinh ngày: 19/4/1984 nơi thường trú và nơi ở hiện tại: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tại đây, bị cáo đã vặn và làm gãy chìa khóa xe nên nhờ T5 đi thay ổ khóa xe và nói dối đây là xe mượn của bạn nên T5 đã đồng ý dẫn xe đi sửa. Trăm dẫn xe đi sửa nhưng sau đó dẫn về trả cho bị cáo vì tiệm sửa xe đóng cửa. bị cáo để chiếc xe trước nhà của T5, rồi cả hai cùng uống rượu với nhau và ngủ lại nhà T5. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Công an thị trấn T đến mời bị cáo về trụ sở làm việc. Tại cơ quan Công an bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 07/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Tại thời điểm ngày 27/10/2023, 01 (Một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe Nữ, màu sơn đỏ - đen, biển số: 84K2 - 8012, đăng ký sử dụng lần đầu vào năm 2008, có giá trị là 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra đã chứng minh được bị cáo M còn thực hiện thêm 02 vụ trộm khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 26/10/2023, bị cáo đi bộ từ nhà ở Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh mang theo 01 cây mỏ lách và 01 cây kim đến vị trí chiếc xe cuốc của ông Võ Minh T3, sinh ngày: 19/8/1984 nơi thường trú và nơi ở hiện tại: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đang đỗ trên vỉa hè đường C thuộc Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nhằm mục đích để lấy trộm những bình ắc qui có trên xe. Sau đó, bị cáo nhìn xung quanh không có người trông coi nên dùng cây kim và cây mỏ lách mang theo mở ổ khóa chứa đựng 02 bình ắc quy có trên xe nhưng chưa được. Lúc này, bị cáo tiếp tục khom người nhìn xuống phía dưới xe, quan sát phát hiện có 01 khoảng trống nên dùng tay kéo được

01 cái bình ắc quy ra khỏi xe rồi để cái bình ắc quy trên vai vác đem về nhà cất. Sau đó, bị cáo gặp ông Đỗ Hoài G, sinh ngày: 19/4/1989 nơi thường trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nơi ở hiện tại: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh) chạy xe ngang nên bị cáo gọi lại và nhờ G chở đi bán bình ắc quy nói trên, G hỏi M “Bình ắc quy được ở đâu và bán bao nhiêu ?” Mền trả lời “Bình ắc quy của nhà bị cáo và bán với giá 300.000 đồng” và hỏi G có mua không thì G đồng ý mua rồi đem bình về nhà.

Sau đó, bị cáo tiếp tục đến chỗ xe cuốc và thực hiện hành vi lấy trộm thêm 01 cái bình ắc quy với phương thức, thủ đoạn tương tự. Sau khi trộm được bình ắc quy, bị cáo nhìn thấy gần đó có 01 cái vỏ, có 02 quai xách của bà Kim Thị T4, sinh ngày: 22/8/1992 nơi thường trú: ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nơi ở hiện tại: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh) nên đã lấy trộm rồi để cái bình ắc quy vừa lấy trộm cùng với cây kìm và cây mỏ lếch vào trong cái vỏ và để lên vai rồi vác về nhà cất. Một lúc sau, G qua nhà trả tiền cho bị cáo 300.000 đồng, bị cáo hỏi G “Có mua bình ắc quy nữa không ?” G hỏi lại M “B ắc quy được ở đâu có vậy và bán bao nhiêu ?” Mền trả lời “Bình ắc quy của nhà bị cáo và bán giá 300.000 đồng”. Nghe vậy, G đồng ý mua rồi G mang bình về nhà sau đó quay lại trả cho bị cáo số tiền 200.000 đồng, còn nợ bị cáo 100.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền 500.000 đồng từ việc bán 02 bình ắc quy cho ông G.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Tại thời điểm ngày 26/10/2023, 02 (hai) bình ắc quy nhãn hiệu Dongnai, thông số kỹ thuật: 12V-70Ah, N70, số 1812122050 có tổng giá trị 2.100.000 đồng; 01 (một) giỏ xách màu vàng đỏ, quai xách màu đỏ, có chiều dài 63cm, rộng 36cm, cao 36cm có giá trị là 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.250.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 06/11/2023, bị cáo Trần Văn M đang đứng trước nhà ở Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thấy ông Trương Bửu C1, sinh ngày: 18/10/1979 nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe mô tô, biển số: 84F6 - 6458, nhãn hiệu WAVE, màu đỏ - đen đi ngang nên bị cáo gọi ông C1 lại và mượn xe để đi lại nhà bạn rồi quay lại trả, nghe vậy ông C1 đã đồng ý. Sau đó, bị cáo M điều khiển xe mô tô nói trên đến các con đường trong nội ô thị trấn T để tìm tài sản của người dân để lấy trộm nhưng không có, bị cáo tiếp tục điều khiển xe đến trước nhà kho của ông Trầm Phong X, sinh ngày 09/9/1983 thuộc ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh rồi dựng xe trước cửa nhà kho, dùng chân đạp hàng rào lưới B40 của nhà kho ngã xuống đất và đi vào bên trong thấy có 01 máy mô tơ bơm nước và 01 máy nén khí, bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm các tài sản trên nên bị cáo đi ra ngoài và qua bên kia đường đến trước nhà của ông Nhan Thành Đ1, sinh năm 1977 thuộc ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh lấy trộm 01 chiếc cảm lô rồi đẩy xe cảm lô đến trước nhà kho của ông X, rồi đi vào bên trong nhà kho lấy trộm chiếc máy mô tơ bơm nước để trên xe cảm lô.

Lúc này, ông Sơn P1, sinh ngày: 17/02/2001 nơi thường trú: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nơi ở hiện tại: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh) là nhân viên trạm xăng M1 cũng là người giữ kho cho ông X, phát hiện bị cáo và dùng đèn pin chiếu sáng vào mặt bị cáo, biết bị phát hiện nên bị cáo bỏ lại tài sản và lên xe mô tô bỏ chạy. Sau đó, ông P1 gọi điện thoại báo cho ông X (chủ trạm xăng M1 và chủ nhà kho) đến và đem chiếc xe cầm lô cùng với chiếc mô tô bơm nước để vào bên trong trạm xăng M1. Đến khoảng 01 tiếng sau, thì bị cáo tiếp tục chạy xe mô tô quay lại nhà kho của ông X và đi vào bên trong để lấy trộm máy nén khí, trong lúc bị cáo đang kéo máy nén khí ra khỏi nhà kho thì bị ông P1 phát hiện và truy hô, nghe vậy bị cáo hoảng sợ bỏ chạy để lại xe mô tô cùng với máy nén khí.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 29, 30/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 (một) máy nén khí nhãn hiệu FUJIWA, đăng ký sử dụng lần đầu vào năm 2020, tại thời điểm ngày 06/11/2023, có giá 3.000.000 đồng; 01 (một) chiếc máy mô tô, nhãn hiệu YUNG SHUN, đăng ký sử dụng lần đầu vào năm 2020, tại thời điểm ngày 06/11/2023, có giá 1.500.000 đồng; 01 (một) xe cầm lô có khung bằng gỗ, 02 bánh bằng nhựa, có câm, niền, cốt bằng kim loại, đăng ký sử dụng lần đầu vào năm 2022, tại thời điểm ngày 06/11/2023, có giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 6.500.000 đồng.

* Về việc tạm giữ và xử lý vật chứng có liên quan trong vụ án:

- Tạm giữ 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu đỏ - đen, biển số: 84K2 - 8012; 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Thạch Thị K; 02 bửng xe màu đỏ; 01 giỏ xách màu vàng - đỏ, quai xách màu đỏ, có chiều dài 63cm, rộng 36cm, cao 36cm; 01 tua vít dài 20 cm, cán bằng nhựa màu vàng đen dài 11,7cm, mũi bằng kim loại dài 8,3cm, 01 mỏ lách bằng kim loại màu trắng dài 29,7cm, vị trí rộng nhất 0,8cm; 01 cây kim dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ đen dài 13,5cm, mũi bằng kim loại dài 7,5cm từ bị cáo Trần Văn M.

- Tạm giữ 02 bình ắc quy nhãn hiệu Dongnai, thông số kỹ thuật: 12V-70Ah, N70, số A từ ông Đỗ Hoài G.

- Tạm giữ 01 máy nén khí nhãn hiệu FUJIWA; 01 máy mô tô nhãn hiệu YUNG SHUN và 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE màu đỏ, biển số: 84F6 - 6458 từ ông Trầm Phong X.

- Tạm giữ 01 xe cầm lô có khung bằng gỗ, 02 bánh bằng nhựa, có câm, niền, cốt bằng kim loại từ ông Nhan Thành Đ1.

Ngày 16/11/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trao trả cho bà Kim Ngọc P nhận lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu đỏ - đen, biển số: 84K2 - 8012; 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Thạch Thị K; 02 bửng xe màu đỏ để quản lý.

Đến ngày 28/11/2023, Cơ quan điều tra tiếp tục ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trao trả cho ông Võ Minh T3 02 bình ắc quy nhãn hiệu Dongnai loại: 12V-70Ah, N70, số 1812122050; bà Kim Thị T4 01 giỏ xách

màu vàng, đỏ; ông T6 Phong Xuân 01 máy nén khí nhãn hiệu FUJIWA; 01 chiếc mô tơ, nhãn hiệu YUNG SHUN; ông Nhan Thành Đ1 01 xe cầm lô có khung bằng gỗ, 02 bánh bằng nhựa, có cam, niền, cốt bằng kim loại và ông Trương Bửu C1 01 xe mô tô, nhãn hiệu WAVE màu đỏ, biển số: 84F6 - 6458 nhận lại để quản lý.

Đồng thời, Cơ quan điều tra ra Lệnh nhập kho vật chứng đối với các vật chứng còn lại để bảo quản tại Kho vật chứng Nhà tạm giữ Công an huyện T. Riêng đối với chiếc chìa khóa bị cáo dùng để mở khóa xe và bị gãy rời vứt bỏ. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện, không thu giữ được nên tiến hành lập biên bản.

* Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự:

Các bị hại đã nhận tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoài G là người trực tiếp 02 bình ắc quy mà bị cáo trộm được với số tiền là 500.000 đồng và bị Cơ quan điều tra thu hồi tang vật trả lại cho bị hại. Ông G không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại đúng như cáo trạng truy tố không có ý kiến bổ sung.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, về tài sản các bị hại, người liên quan đã nhận lại nên không yêu cầu gì thêm, về trách nhiệm hình sự thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị với Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 tua vít dài 20cm, cán bằng nhựa màu vàng đen dài 11,7cm, mũi bằng kim loại dài 8,3cm đã qua sử dụng; 01 mỏ lách bằng kim loại màu trắng dài 29,7cm, vị trí rộng nhất 0,8cm đã qua sử dụng; 01 cây kìm dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ đen dài 13,5cm, mũi bằng kim loại dài 7,5cm đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo do thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn M trình bày: thống nhất nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa của bị cáo cho rằng, tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, về tài sản các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Bị cáo M nói lời sau cùng: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định bị cáo Trần Văn M đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại như cáo trạng truy tố là sự việc có thật, cụ thể: Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 27/10/2023 có hành vi trộm 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại Wave, biển số: 84K2 - 8012 của bà Kim Ngọc P, qua điều tra còn phát hiện bị cáo trộm 02 bình ắc quy nhãn hiệu Dongnai, thông số kỹ thuật: 12V-70Ah, N70, số 1812122050 của ông Võ Minh T3, 01 giỏ xách màu vàng - đỏ, quai xách màu đỏ, có chiều dài 63cm, rộng 36cm, cao 36cm của bà Kim Thị T4 vào ngày 26/10/2023; trộm 01 máy nén khí nhãn hiệu FUJIWA, 01 máy mô tơ nhãn hiệu YUNG SHUN của ông Trầm Phong X, 01 xe cầm lô có khung bằng gỗ, 02 bánh bằng nhựa, có cam, niền, cốt bằng kim loại của ông Nhan Thành Đ1 vào ngày 06/11/2023. Tổng trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 14.750.000 đồng. Việc bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của các bị hại nêu trên là đã phạm vào tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Hành vi phạm tội bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương, động cơ, mục đích phạm tội

của bị cáo là muốn lấy tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài để thỏa mãn cho mục đích vụ lợi cá nhân.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị cáo có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích đến ngày 27/10/2023 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại khóm A, xã T, huyện T nhưng qua điều tra cho thấy bị cáo còn thực hiện một loại hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 26/10/2023 và 06/11/2023 nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo có 01 tiền sự bị công an huyện T, tỉnh Trà Vinh xử phạt số tiền 1.500.000 đồng, ngoài ra về nhân thân ngày 17/12/2007 bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 39/2007/HS-ST.

Điều này thể hiện sự coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười biếng lao động của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung, do đó mức án mà V đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, các tài sản mà bị cáo trộm đã được thu hồi trao trả cho các bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm phù hợp với quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó quan điểm của người bào chữa cho bị cáo M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: gồm 01 tua vít dài 20cm, cán bằng nhựa màu vàng đen dài 11,7cm, mũi bằng kim loại dài 8,3cm đã qua sử dụng; 01 mỏ lếch bằng kim loại màu trắng dài 29,7cm, vị trí rộng nhất 0,8cm đã qua sử dụng; 01 cây kim dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ đen dài 13,5cm, mũi bằng kim loại dài 7,5cm đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí thì bị cáo M được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định

pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 07/11/2023).

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 tua vít dài 20cm, cán bằng nhựa màu vàng đen dài 11,7cm, mũi bằng kim loại dài 8,3cm đã qua sử dụng; 01 mỏ lách bằng kim loại màu trắng dài 29,7cm, vị trí rộng nhất 0,8cm đã qua sử dụng; 01 cây kìm dài 21cm, cán bằng nhựa màu đỏ đen dài 13,5cm, mũi bằng kim loại dài 7,5cm đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn M.

Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Trà Cú;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Trà Cú;
- Cơ quan THAHSCA huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc